

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các lĩnh vực lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các lĩnh vực lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

Thay thế 07 thủ tục hành chính (số thứ tự 36, 38, 61, 62, 63, 64, 84 Mục II, Phần A) và bãi bỏ 02 thủ tục hành chính (số thứ tự 18, 26 Mục I, Phần A) được ban hành tại danh mục kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *nghe*

- VP. Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.



CHỦ TỊCH

Trần Văn Hiệp

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ CÁC LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP, CHĂN NUÔI, THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 314 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

(Thay thế 07 thủ tục hành chính (số thứ tự 36, 38, 61, 62, 63, 64, 84 Mục II, Phần A) được ban hành tại danh mục kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07/10/2021)

1. Lĩnh vực Lâm nghiệp

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.004815	Đăng kí mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II, và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cấp mã số: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, không quá 30 ngày. - Đối với các loài động vật hoang dã thuộc Phụ lục CITES thuộc các lớp thú, chim, bò sát lần đầu tiên đăng ký nuôi tại cơ sở: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian Cơ quan cấp mã số gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Cơ quan khoa học CITES Việt Nam: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. + Thời gian Cơ quan khoa học CITES Việt Nam trả 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú, phường 4, TP Đà Lạt) - Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không	Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>lời bằng văn bản: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp mã số.</p> <p>- Thời gian cơ quan cấp mã số gửi thông tin về Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để đăng tải mã số đã cấp lên cổng thông tin điện tử của Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp mã số cơ sở nuôi, trồng.</p>			
2	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng (36 Trần Phú, phường 4, TP Đà Lạt)</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	<p>- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống</p> <p>- Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/ vườn giống</p>	<p>- Luật số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 về phí và lệ phí;</p> <p>- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực</p>

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

2. Lĩnh vực Thủy sản

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	10 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới. 03 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	Phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản (thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản đối với cơ sở sản xuất): 5.700.000 đồng/lần (chưa bao gồm chi phí đi lại của đoàn đánh giá. Chi phí đi lại do tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định chi trả theo thực tế, phù hợp với quy định).	- Luật số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội về Thủy sản. - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

3. Lĩnh vực chăn nuôi

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.008128	Cấp Giấy đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	25 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện	- Luật số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội về Chăn nuôi. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật chăn nuôi.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần)	- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.
2	1.008126	Cấp Giấy đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: Không quá 20 ngày làm việc. - Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: Không quá 10 ngày làm việc.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật số 32/2018/QH14 - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP - Thông tư số 24/2021/TT-BTC
3	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú,	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế):	- Luật số 32/2018/QH14 - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm/cách thức thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng		phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	250.000 đồng/01 cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Thông tư số 24/2021/TT-BTC
4	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt. Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Luật số 32/2018/QH14 - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP - Thông tư số 24/2021/TT-BTC

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

(Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính (số thứ tự 18, 26 Mục I, Phần A) được ban hành tại danh mục kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07/10/2021)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bãi bỏ	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
Lĩnh vực Thủy lợi				
1	1.004399	Cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phòng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	- Khoản 2 Điều 169 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội đã bãi bỏ điểm d khoản 1, Điều 44 và Điều 58 của Luật Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bãi bỏ	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Cơ quan thực hiện
2	1.003887	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phòng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	số 08/2017/QH14, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022; - Quyết định số 67/QĐ-BNN-TCTL ngày 10/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	